

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)

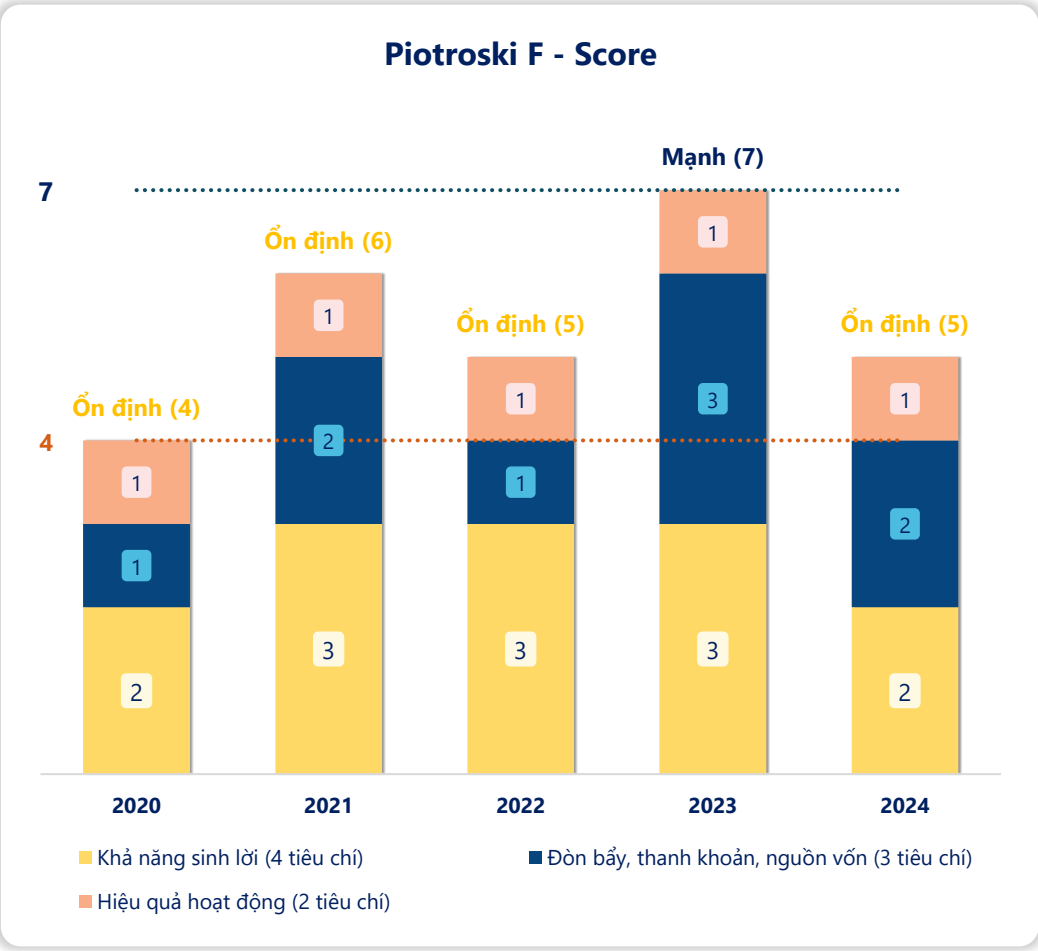
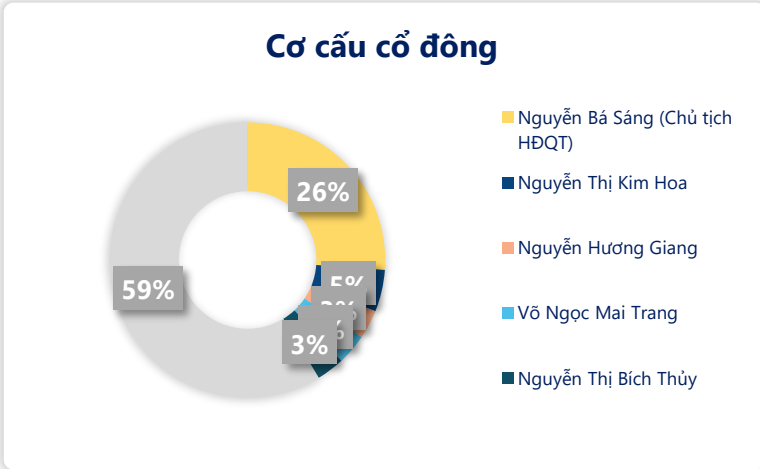
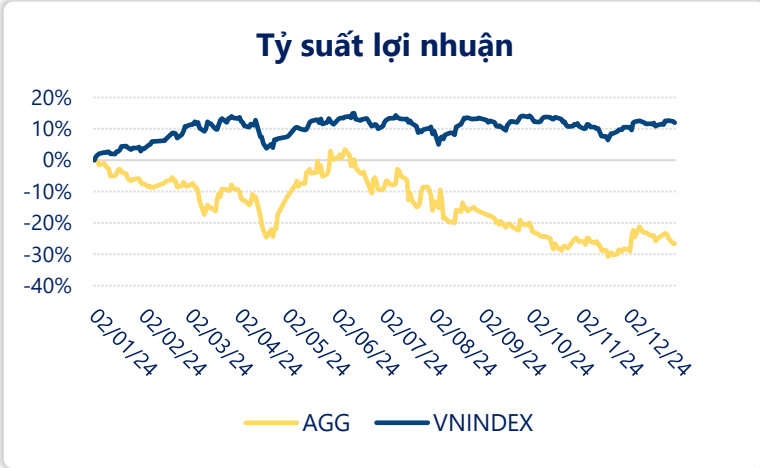
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	15,400 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.1%	-3.8%	-20.5%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	5/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
1,913	YoY
tỷ VNĐ	▼ 1,978
	▼ 50.8%

LN sau thuế	2024
261	YoY
tỷ VNĐ	▼ 199
	▼ 43.3%

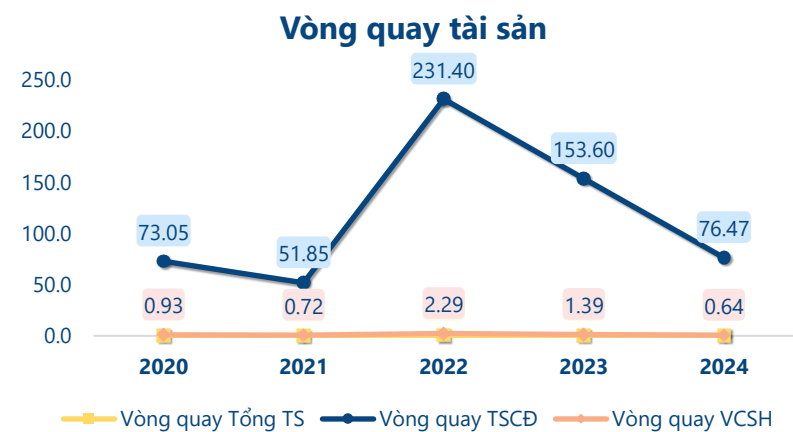
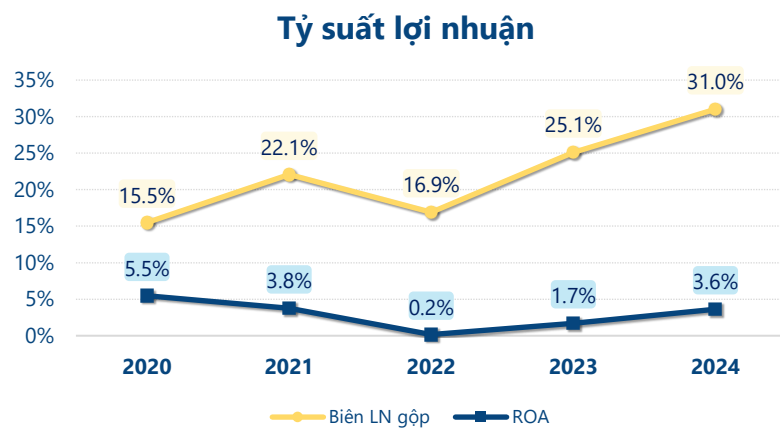
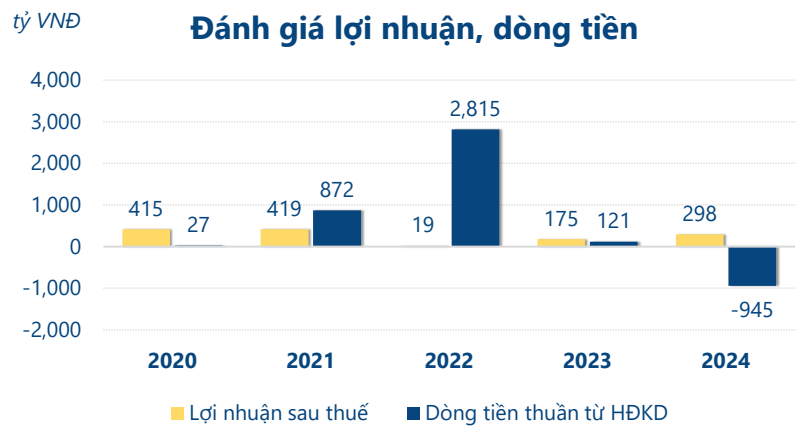


Năm 2024, F-Score của **AGG** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

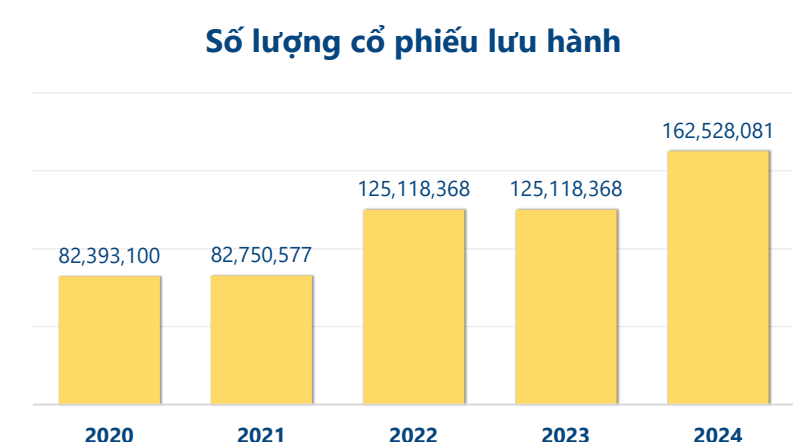
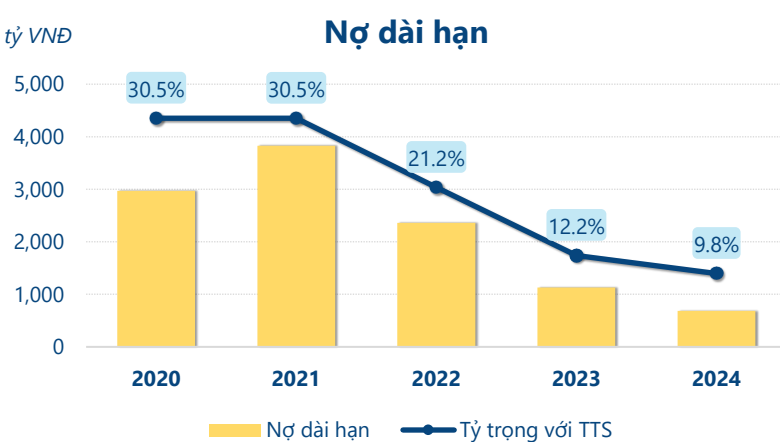
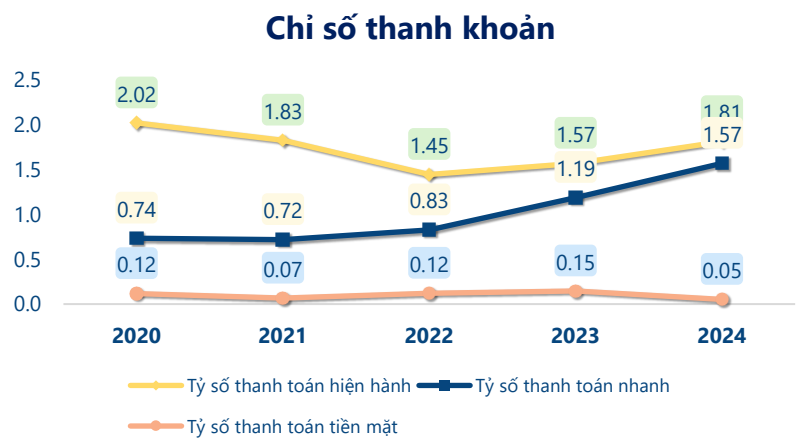
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (HSX: AGG)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **AGG**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,035	9,293	-24.3%
Tài sản ngắn hạn	5,819	8,302	-29.9%
Tiền và tương đương tiền	167	772	-78.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.1	54.5	-44.8%
Phải thu ngắn hạn	4,717	5,195	-9.2%
Hàng tồn kho	776	2,014	-61.5%
Tài sản ngắn hạn khác	128	266	-51.8%
Tài sản dài hạn	1,216	991	22.7%
Phải thu dài hạn	1,087	731	48.8%
Tài sản cố định	20.2	29.9	-32.6%
Bất động sản đầu tư	31.8	40.6	-21.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	89.4	-100%
Tài sản dài hạn khác	77.6	100	-22.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,898	6,417	-39.3%
Nợ ngắn hạn	3,211	5,285	-39.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,046	769	36.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	286	477	-40.0%
Nợ dài hạn	688	1,133	-39.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	371	691	-46.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,137	2,876	9.1%
Vốn chủ sở hữu	3,137	2,876	9.1%
Vốn điều lệ	1,625	1,251	29.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,754	1,808	6,189	3,891	1,913
Giá vốn hàng bán	1,482	1,410	5,141	2,914	1,320
Lợi nhuận gộp	272	399	1,047	977	593
Doanh thu HĐTC	446	610	322	371	405
Chi phí TC	64.5	263	321	204	355
Chi phí lãi vay	50.4	124	160	119	128
LN trong công ty LKLD	-14.0	67.3	-68.3	-71.6	0
Chi phí bán hàng	130	208	667	510	246
Chi phí QLDN	86.8	113	105	60.7	91.2
LN thuần từ HĐKD	422	492	208	501	307
Lợi nhuận khác	56.9	1.91	11.0	80.6	-5.21
LN trước thuế	479	494	219	582	302
Lợi nhuận sau thuế	445	421	96.6	460	261
LNST của CĐ cty mẹ	415	419	19.0	175	298

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.8	872	2,815	121	-945
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-218	-375	-1,451	234	645
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	572	-618	-1,039	-306	-306
Tiền đầu kỳ	138	519	398	723	772
Lưu chuyển tiền thuần	380	-121	325	49.6	-605
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	519	398	723	772	167